

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/4/2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương.
- Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994; số CCCD: 091194007317; địa chỉ thường trú: Ấp Tân L, xã Châu T, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Võ Thị Anh Đ, số nhà A, đường Trần Ngọc L, khu phố B, phường Chánh H, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1992; số CCCD: 087092007423; địa chỉ thường trú: Ấp Phú T, xã Phú T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp); địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thị M, số nhà C, đường D, tổ E, khu F, phường Chánh H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Cẩm T là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn K tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Long Phú T, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2018 ngày 23/02/2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà T và ông K chung sống hạnh phúc, vợ

chồng chăm sóc, yêu thương nhau. Tuy nhiên, thời gian sau này, cuộc sống vợ chồng dần phai nhạt, vợ chồng không còn tiếng nói chung với nhau, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông K thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình. Vì vậy, bà T và ông K đã sống ly thân khoảng hai năm. Trong thời gian ly thân, ông K nhiều lần có hành vi sử dụng bạo lực và đe dọa dùng bạo lực đối với bà T. Nay bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà T và ông K không còn tình cảm yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Quá trình chung sống, bà T và ông K có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Gia H và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn K tại nơi cư trú, lý do ông K thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Chánh Hiệp xác định ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1992 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Nhà trọ Nguyễn Thị Mai, số nhà 344, đường DX65, tổ 6, khu 4, phường Chánh Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông K theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp và trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào đơn xin vắng mặt của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/3/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Long Phú T, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2018 ngày 23/02/2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K không chăm lo quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với con chung. Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ ông K sửa đổi với mong muốn vợ chồng hàn gắn, cùng nhau chăm lo cho con chung. Tuy nhiên, ông K vẫn không thay đổi, mà còn dùng những lời lẽ xúc phạm, thậm chí đánh đập bà T. Hiện bà T và ông K đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông K đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông K. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông K không có thiện chí trong việc muôn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

[2.3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Văn K là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

[3.1] Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn K có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, bà T có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết, cháu Nguyễn Ngọc Gia H trình bày ý kiến hiện cháu Hân đang sống với bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Hân có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Nguyễn Thị Cẩm T trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, căn giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do cháu Hân được giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với mức cấp dưỡng bà T yêu cầu là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm:

[6.1] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Về án phí cấp dưỡng: Bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2018 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày có bản án của Tòa án đến khi cháu Hân đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông K còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BLTU/26E-0007370 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về án phí cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Huỳnh Ngọc Chung